TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22- 4-2020
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Đình Ngát
Bà Vũ Thị Quỳ

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 1 năm 2020 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 03/2020/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1976; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 08 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn Đ, xã Đ1, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H và anh M chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, trong cuộc sống thường

bất đồng về phong cách sống, làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái. Do mâu thuẫn nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên chị H đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, trong quá trình ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 13/7/1998; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 21/07/2005; Nguyễn Minh Q sinh ngày 27/05/2007. Trường hợp ly hôn chị H đồng ý để anh M tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Minh Q cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật vì hai cháu hiện đang ở cùng anh M và đều có nguyện vọng được ở cùng với anh M. Đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ L đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đề nghị để tự thỏa thuận với anh M do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đồng ý với lời khai của chị H về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị vợ chồng tiếp tục chung sống để nuôi dạy các con vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và vì các con còn nhỏ.

Về con chung anh M khai hai vợ chồng có 03 con chung như chị H khai là đúng, trường hợp ly hôn anh đề nghị được nuôi hai con là cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Minh Q còn cháu Nguyễn Thị Mỹ L đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh M và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M khai có tài sản chung nhưng để anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử chị Phạm Thị H được ly hôn anh M. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Minh Q cho anh M nuôi dưỡng. Về tài sản

chung: Đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về lối sống cũng như trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái nên giữa vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm đến nhau mặc dù đã được người thân hai bên gia đình hòa giải. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M phù hợp với lời khai của hai bên. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M, anh M cũng cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thực nhưng anh đề nghị vợ chồng tiếp tục chung sống vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và để nuôi dạy con cái. Xét anh M, chị H đã có thời gian sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tại phiên tòa xét xử chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh M. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh M.

[2] Về con chung: Chị H và anh M có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 13/7/1998; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 21/07/2005; Nguyễn Minh Q sinh ngày 27/05/2007.Trường hợp ly hôn chị H đồng ý để anh M được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh M cũng đề nghị được nuôi dưỡng hai con là Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Minh Q. Xét hiện nay anh M đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Minh Q và cháu T, cháu Q cũng có lời khai thể hiện có nguyện vọng được ở với bố. Như vậy cần chấp nhận đề nghị của chị H và anh M, giao cháu Nguyễn Thị Phương T và Nguyễn Minh Q cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H và anh M đề nghị để tự thỏa thuận với nhau nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh M khai vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia

đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Phương T sinh ngày 21 tháng 7 năm 2005; Nguyễn Minh Q sinh ngày 27 tháng 5 năm 2007 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Minh Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cháu Nguyễn Thị Mỹ L sinh ngày 13 tháng 7 năm 1998 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, chị H và anh M không đề nghị nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0008804 ngày 03/1/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ1; huyện K (Số 43/2005; quyển số 01);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang